

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Park Soon O	Ủy viên
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Jean - Charles Belliol	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Ngô Phương Chi	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Park Soon O	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Bán hàng
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính - Nhân sự
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

1125
NG
HIỆM P
OIT
TNA
TP

Số: 073 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 24. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		633.917.069.607	519.011.533.323
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	119.403.026.916	194.842.160.358
1. Tiền	111		4.804.195.566	10.987.185.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		114.598.831.350	183.854.974.724
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.694.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	23.694.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.150.895.412	84.998.020.014
1. Phải thu khách hàng	131		66.520.925.669	59.749.449.623
2. Trả trước cho người bán	132		39.783.309.809	23.060.586.543
3. Các khoản phải thu khác	135		3.916.084.884	5.444.254.011
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.069.424.950)	(3.256.270.163)
IV. Hàng tồn kho	140	7	360.634.078.601	224.724.804.429
1. Hàng tồn kho	141		360.634.078.601	224.724.804.429
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.035.068.678	14.446.548.522
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.562.380.309	4.065.123.131
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.786.744.646	7.125.786.682
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		150.000.000	150.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.535.943.723	3.105.638.709
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		215.766.936.118	150.466.250.952
I. Tài sản cố định	220		199.247.734.608	139.670.662.306
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	135.504.305.577	116.336.316.374
- Nguyên giá	222		248.901.262.010	214.814.173.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.396.956.433)	(98.477.856.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	21.326.838.565	23.334.345.932
- Nguyên giá	228		37.465.687.876	37.183.200.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.138.849.311)	(13.848.854.829)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	42.416.590.466	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.023.200.000	4.023.200.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.023.200.000	4.023.200.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		15.496.001.510	6.772.388.646
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.540.490.883	5.629.065.549
2. Tài sản dài hạn khác	268		955.510.627	1.143.323.097
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		849.684.005.725	669.477.784.275

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		156.947.539.465	94.780.127.917
I. Nợ ngắn hạn	310		139.404.090.093	77.797.723.416
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	38.709.422.703	900.000.000
2. Phải trả người bán	312		35.244.488.110	26.266.011.001
3. Người mua trả tiền trước	313		3.415.761.568	3.057.352.309
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	49.064.648.154	35.132.525.246
5. Phải trả người lao động	315		8.129.916.882	9.586.759.787
6. Chi phí phải trả	316		1.630.245.190	340.509.115
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.209.607.486	2.514.565.958
II. Nợ dài hạn	330		17.543.449.372	16.982.404.501
1. Phải trả dài hạn khác	333		321.868.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.821.581.372	2.582.404.501
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	14	14.400.000.000	14.400.000.000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		690.488.215.433	573.577.804.137
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	690.488.215.433	573.577.804.137
1. Vốn điều lệ	411		234.019.860.000	153.279.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.000.000.000	191.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.462.123.000)	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.294.382.346	3.501.804.790
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		263.636.096.087	225.796.039.347
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		2.248.250.827	1.119.852.221
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		849.684.005.725	669.477.784.275



Lee Jae Eun
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Cho Yong Hwan
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1 Doanh thu bán hàng	01	16	799.466.087.069	563.990.718.535
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	798.216.445	466.387.921
3 Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	16	798.667.870.624	563.524.330.614
4 Giá vốn hàng bán	11	17	481.092.885.063	326.616.893.403
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		317.574.985.561	236.907.437.211
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	21.106.038.934	23.221.202.559
7 Chi phí tài chính	22	19	13.811.867.337	15.438.643.285
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.818.096.075	252.479.681
8 Chi phí bán hàng	24		73.075.204.204	49.599.800.515
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		60.844.357.091	67.405.012.121
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		190.949.595.863	127.685.183.849
11 Thu nhập khác	31		1.644.551.901	3.025.393.272
12 Chi phí khác	32		1.467.939.035	907.229.476
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		176.612.866	2.118.163.796
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		191.126.208.729	129.803.347.645
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	40.259.875.941	27.320.074.341
16 Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		150.866.332.788	102.483.273.304
17 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		93.296.321	263.841.337
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (62= 60-61)	62		150.773.036.467	102.219.431.967
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	6.519	4.790



Lee Jae Eun
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Cho Yong Hwan
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	191.126.208.729	129.803.347.645
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.757.792.019	11.502.779.292
Các khoản dự phòng	03	813.154.787	(2.616.070.350)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	113.085.423	(810.373.066)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(15.845.193.110)	(15.546.636.166)
Chi phí lãi vay	06	2.818.096.075	252.479.681
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	196.783.143.923	122.585.527.036
(Tăng) các khoản phải thu	09	(34.719.096.115)	(34.506.181.843)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(135.909.274.172)	(93.402.209.638)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.018.752.685	2.891.636.153
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(8.651.175.056)	(3.870.834.191)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.298.857.515)	(252.479.681)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.508.076.356)	(21.776.902.298)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	10.921.895.630
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.376.761.621)	(1.680.141.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.661.344.227)	(19.089.690.414)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang	21	(73.227.805.041)	(68.972.343.347)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	389.710.700
3. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn	23	(23.694.000.000)	(562.868.807.229)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	562.868.807.229
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(2.421.359.513)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.108.516.546	15.507.040.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(74.813.288.495)	(55.496.951.563)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông	31	4.100.000.000	150.000.000.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(2.462.123.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	115.660.585.076	21.426.915.895
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(77.964.247.796)	(21.787.415.895)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(30.298.715.000)	(10.392.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.035.499.280	139.247.460.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(75.439.133.442)	64.660.818.023
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	194.842.160.358	130.783.252.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(601.910.529)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	119.403.026.916	194.842.160.358

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 4.267.965.750 VND (năm 2010 là 3.330.000.000 VND), là số tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.029 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.053).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND, số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.125.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số vốn Công ty thực góp vào công ty con này là 2.395.160.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

C. T. P. AN NƠI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2011 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Công văn số 4130/TCT-CS của Bộ Tài chính gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 05 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm thứ tám Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2008, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động này chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do không có chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	384.493.308	309.803.568
Tiền gửi ngân hàng	4.419.702.258	10.677.382.066
Các khoản tương đương tiền	114.598.831.350	183.854.974.724
	119.403.026.916	194.842.160.358

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.787.596.203	1.425.944.332
Nguyên liệu, vật liệu	191.326.082.407	132.533.785.216
Công cụ, dụng cụ	85.616.520	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.751.957.479	3.987.532.657
Thành phẩm	154.247.007.894	81.601.387.686
Hàng hoá	4.192.654.616	4.918.750.804
Hàng gửi đi bán	243.163.482	257.403.734
	360.634.078.601	224.724.804.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	42.871.156.276	151.343.986.059	5.552.216.830	13.017.436.702	2.029.377.405	214.814.173.272
Tăng trong năm	-	30.727.803.601	1.735.100.543	2.194.092.890	150.005.176	34.807.002.210
Thanh lý	-	(22.052.703)	(670.710.769)	-	(27.150.000)	(719.913.472)
Tại ngày 31/12/2011	42.871.156.276	182.049.736.957	6.616.606.604	15.211.529.592	2.152.232.581	248.901.262.010
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	17.172.726.967	74.039.042.341	4.159.395.750	2.349.768.575	756.923.265	98.477.856.898
Trích vào chi phí trong năm	1.487.135.233	11.339.748.729	998.250.005	1.121.590.929	521.072.641	15.467.797.537
Phân loại lại	(11.440.454)	(232.874.475)	1.076.271.725	(825.277.777)	(6.679.019)	-
Thanh lý	-	-	(544.173.002)	-	(4.525.000)	(548.698.002)
Tại ngày 31/12/2011	18.648.421.746	85.145.916.595	5.689.744.478	2.646.081.727	1.266.791.887	113.396.956.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	24.222.734.530	96.903.820.362	926.862.126	12.565.447.865	885.440.694	135.504.305.577
Tại ngày 31/12/2010	25.698.429.309	77.304.943.718	1.392.821.080	10.667.668.127	1.272.454.140	116.336.316.374

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 32.135.648.698 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 30.668.751.463 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	23.494.500.000	7.831.500.000	5.274.119.189	583.081.572	37.183.200.761
Tăng trong năm	-	-	178.675.000	103.812.115	282.487.115
Tại ngày 31/12/2011	23.494.500.000	7.831.500.000	5.452.794.189	686.893.687	37.465.687.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	8.779.523.694	4.216.961.545	579.307.519	273.062.071	13.848.854.829
Trích vào chi phí trong năm	1.080.461.633	516.362.335	574.393.149	118.777.365	2.289.994.482
Tại ngày 31/12/2011	9.859.985.327	4.733.323.880	1.153.700.668	391.839.436	16.138.849.311
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	13.634.514.673	3.098.176.120	4.299.093.521	295.054.251	21.326.838.565
Tại ngày 31/12/2010	14.714.976.306	3.614.538.455	4.694.811.670	310.019.501	23.334.345.932

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lắp đặt hệ thống POS	1.120.150.001	-
Xây dựng nhà máy Hưng Yên II	41.296.440.465	-
	42.416.590.466	-

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư kinh doanh cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 4.400 và giá trị là 1.023.200.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	26.052.508.642	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	11.856.914.061	-
Ông Lee Kyu Sung	800.000.000	900.000.000
	<u>38.709.422.703</u>	<u>900.000.000</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay sau:

- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (“Ngân hàng ANZ”) theo tiện ích có thể rút bằng đồng USD với hạn mức tiện ích không vượt quá 2.800.000 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- (a) hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho tại nhà kho ở Đồng Nai và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ít nhất bằng 100% hạn mức tiện ích;
- (b) hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông với giá trị 436.048 USD; và
- (c) bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho Ngân hàng ANZ tùy từng thời điểm.

Mục đích của khoản vay nhằm hỗ trợ Công ty mua nguyên vật liệu hoặc để thanh toán các thư tín dụng chứng từ trả ngay do Ngân hàng ANZ phát hành. Kỳ hạn tối đa cho mỗi lần rút vốn là 150 ngày, lãi suất của bất kỳ khoản vay nào được cấp theo tiện ích này bằng 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay.

- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa và các chi phí hợp lý khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và các mục đích khác. Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản đặt cọc. Trong đó Công ty phải đặt cọc ít nhất 20% giá trị khoản vay tại ngân hàng. Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không vượt quá 7 tháng/khế ước. Lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân và thay đổi theo từng thời kỳ.
- Vay ngắn hạn từ ông Lee Kyu Sung để bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 9,6%/năm đến 12%/năm. Các khoản vay ngắn hạn này đều không được đảm bảo.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.089.673.854	1.232.761.553
Thuế xuất, nhập khẩu	1.481.241.924	1.484.199.215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.208.721.984	30.456.922.399
Thuế thu nhập cá nhân	2.227.501.763	1.903.678.979
Các loại thuế khác	57.508.629	54.963.100
	<u>49.064.648.154</u>	<u>35.132.525.246</u>

14. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 02 tháng 3 năm 2011, Công ty trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% lợi nhuận trước thuế của năm 2010 tương ứng với số tiền là 14.400.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	107.200.000.000	71.000.000.000	1.148.026.429	-	-	155.447.728.784
Phát hành cổ phiếu	30.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	16.079.960.000	-	-	-	-	(16.079.960.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	102.219.431.967
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	4.484.454.789	(4.484.454.789)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(10.720.040.000)
Giảm khác	-	-	(1.148.026.429)	-	(982.649.999)	(586.666.615)
Số dư tại ngày 01/01/2011	153.279.960.000	191.000.000.000	-	-	3.501.804.790	225.796.039.347
Phát hành cổ phiếu (i)	4.100.000.000	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối (ii)	76.639.900.000	-	-	-	-	(76.639.900.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	150.773.036.467
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (iii)	-	-	-	-	5.118.583.905	(5.118.583.905)
Cổ tức đã chia (iv)	-	-	-	-	-	(30.655.992.000)
Mua cổ phiếu quỹ (v)	-	-	-	(2.462.123.000)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(4.326.006.349)	(518.503.822)
Số dư tại ngày 31/12/2011	234.019.860.000	191.000.000.000	-	(2.462.123.000)	4.294.382.346	263.636.096.087

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành 410.000 cổ phiếu cho nhân viên theo phương án phát hành cổ phiếu lựa chọn cho cán bộ công nhân viên với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty được phê duyệt tăng thêm 50% thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ cổ phiếu thưởng là 50%.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được tăng thêm 5.118.583.805 VND tương đương với 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2010.
- (iv) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, Công ty quyết định chia cổ tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu (2.000 VND/cổ phiếu). Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 29.970.715.000 VND trong năm. Phần cổ tức còn lại với số tiền 685.277.000 VND chưa được thanh toán.
- (v) Trong năm, Công ty cũng thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ/HĐQT/2011 với số tiền là 2.462.123.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh ngày 01 tháng 9 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 234.019.860.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 31/12/2011	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	15,92%	3.726.000	37.260.000.000	15,92%	37.260.000.000
Quỹ Đầu tư Red River Holdings	12,26%	2.869.500	28.695.000.000	12,26%	28.695.000.000
Các cổ đông khác	71,82%	16.806.486	168.064.860.000	71,82%	168.064.860.000
	100%	23.401.986	234.019.860.000	100%	234.019.860.000

16. DOANH THU

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	520.197.704.090	396.785.269.697
Doanh thu thành phẩm bông	213.114.785.140	137.192.685.890
Doanh thu chần bông	52.206.645.833	19.489.397.703
Doanh thu bán hàng hóa khác	13.946.952.006	10.523.365.245
Tổng	799.466.087.069	563.990.718.535
Các khoản giảm trừ	798.216.445	466.387.921
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	798.216.445	466.387.921
Doanh thu thuần	798.667.870.624	563.524.330.614

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	317.337.806.691	221.742.063.860
Giá vốn thành phẩm bông	128.235.274.893	86.857.982.202
Giá vốn chần bông	28.353.129.218	11.248.746.059
Giá vốn bán hàng hóa khác	7.166.674.261	6.768.101.282
	481.092.885.063	326.616.893.403

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.851.144.069	15.483.056.542
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.115.630.354	7.702.946.017
Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.431.178	35.200.000
Doanh thu tài chính khác	87.833.333	-
	<u>21.106.038.934</u>	<u>23.221.202.559</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.818.096.075	252.479.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.993.771.262	15.186.163.604
	<u>13.811.867.337</u>	<u>15.438.643.285</u>

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	191.126.208.729	129.803.347.645
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	178.768.704.095	127.685.183.849
Lợi nhuận từ hoạt động khác	12.357.504.634	2.118.163.796
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.306.270.495	6.399.965.364
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	51.431.178	845.573.066
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.431.178	35.200.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	810.373.066
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.357.701.673	7.245.538.430
Thu nhập chịu thuế	198.432.479.224	136.203.313.009
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	186.074.974.590	134.085.149.213
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	12.357.504.634	2.118.163.796
Thuế suất đối với hoạt động kinh doanh	20%	20%
Thuế suất đối với hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.259.875.941	27.320.074.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	40.259.875.941	27.320.074.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:		
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	150.773.036.467	102.219.431.967
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	23.129.027	21.339.931
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	6.519	4.790
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, trong năm Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu thưởng này được coi như tăng từ đầu năm. Số lượng cổ phiếu bình quân cho năm 2010 cũng được điều chỉnh tương ứng.

22. CAM KẾT ĐẦU TƯ

Trong năm 2011, Công ty có cam kết đầu tư xây dựng nhà xưởng tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với số tiền là 126.786.230.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số tiền còn phải trả nhà cung cấp là 69.664.306.647 VND.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.403.026.916	194.842.160.358
Đầu tư ngắn hạn	23.694.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.540.785.603	62.110.633.471
Đầu tư dài hạn	1.023.200.000	4.023.200.000
Tổng cộng	210.661.012.519	260.975.993.829
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	38.709.422.703	900.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	35.244.488.110	26.266.011.001
Chi phí phải trả	1.630.245.190	340.509.115
Phải trả dài hạn khác	321.868.000	-
Tổng cộng	75.906.024.003	27.506.520.116

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	54.513.525.043	12.616.839.495	32.391.867.739	52.405.263.535
Euro (EUR)	-	-	5.346.219	5.665.209

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Vay ngắn hạn	38.709.422.703	-	38.709.422.703
Phải trả người bán và phải trả khác	35.244.488.110	-	35.244.488.110
Chi phí phải trả	1.630.245.190	-	1.630.245.190
Phải trả dài hạn khác	-	321.868.000	321.868.000
	<u>75.584.156.003</u>	<u>321.868.000</u>	<u>75.906.024.003</u>
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Vay ngắn hạn	900.000.000	-	900.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	26.266.011.001	-	26.266.011.001
Chi phí phải trả	340.509.115	-	340.509.115
	<u>27.506.520.116</u>	<u>-</u>	<u>27.506.520.116</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.403.026.916	-	119.403.026.916
Đầu tư ngắn hạn	23.694.000.000	-	23.694.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.540.785.603	-	66.540.785.603
Đầu tư dài hạn	-	1.023.200.000	1.023.200.000
	209.637.812.519	1.023.200.000	210.661.012.519
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.842.160.358	-	194.842.160.358
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.110.633.471	-	62.110.633.471
Đầu tư dài hạn	-	4.023.200.000	4.023.200.000
	256.952.793.829	4.023.200.000	260.975.993.829

24. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011	2010
	VND	VND
Lương gộp và các quyền lợi khác	10.638.607.903	6.196.025.224



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
